

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 449/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T – sinh năm: 1970- có mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng A – sinh năm: 1975 - có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đàm Thị C – SN: 1937 – có mặt

Cùng trú tại: Tổ 4, phường YT, TP. Y, tỉnh Yên Bái

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Trần Quốc T, chị Nguyễn Thị Hồng A thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 lợp mái xô xi măng xây dựng từ năm 2007 (nhà xây nhờ trên đất của bà Đàm Thị C, bà C đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên bà Đàm Thị C từ cuối năm 2017, ông T1 mất năm 2004) tại tổ 4, phường YT, T phố Y trị giá ngôi nhà là: 80.000.000 đồng. Anh T, chị A thống nhất: Anh T có quyền sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4 lợp mái xô xi măng xây dựng từ năm 2007. Anh Trần Quốc T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản

cho chị Nguyễn Thị Hồng A là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng chẵn). Chị Nguyễn Thị Hồng A được nhận tiền chênh lệch chia tài sản do anh Trần Quốc T thanh toán là: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày chị Anh có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu anh T chưa thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chưa thi hành được tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.2. Về án phí: Mỗi bên đương sự phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Hồng A phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Quốc T phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp là 375.000 đồng (ba trăm bảy lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2013/07236 ngày 15-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; anh Trần Quốc T còn phải nộp số tiền 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- Đương sự
- VKSNDTP Yên Bái
- Chi cục THADSTP Yên Bái
- Lưu HS, TA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Hồng Phụng